Nghiên cứu
Tôn giáo
Số 6 (186), 2019, 56-70

PHÙNG THÁI HỘI*

PHẬT GIÁO TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI Ê ĐÊ Ở ĐẮK LẮK HIỆN NAY

Tóm tắt: *Đã có nhiều công trình nghiên cứu về ảnh hưởng của tôn giáo đối với các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng. Tuy nhiên, đa số các công trình này đề cập đến đạo Tin lành và Công giáo mà dường như bỏ qua Phật giáo. Thực tế, Phật giáo đã có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, trong đó có dân tộc Ê đê - một dân tộc được coi là cư dân cư trú lâu đời tại Đắk Lắk với một diện mạo riêng, một nét văn hóa riêng, không pha tạp qua những biến thiên của lịch sử. Với tinh thần "tùy duyên bất biến", Phật giáo đã và đang tạo ra được sự hòa hợp, gắn kết giữa nghi lễ Phật giáo với nghi lễ truyền thống của dân tộc Ê đê tại Đắk Lắk.*

Từ khóa: *Người Ê đê; Đắk Lắk; Phật giáo; văn hóa; đời sống.*

1. Lịch sử Phật giáo ở Đắk Lắk

Theo tác giả Nguyễn Tuấn Triết, từ khi người Việt di cư lên Tây Nguyên, sắc diện văn hóa của địa bàn này có những biến chuyển rõ rệt, đời sống tâm linh của cư dân Tây Nguyên cũng trở nên đa dạng hơn: bên cạnh những tín ngưỡng đa thần truyền thống, đã có sự góp mặt của tín ngưỡng cúng đình, thờ cúng tổ tiên và Phật giáo theo bước chân của những di dân người Việt từ các địa phương thuộc vùng đồng bằng ven biển lên. Có thể nói, sinh hoạt Phật giáo của cư dân người Việt đã hiện diện ở Tây Nguyên từ rất sớm, nhưng êm ả và chậm rãi, không ồn ào, không gây ra những mâu thuẫn, xung đột. Những nhóm người Việt đầu tiên đến định cư tại Tây Nguyên khi đã thành làng thì thường lập đình thờ Thành hoàng; việc thờ Phật thường được kết hợp với thờ cúng tổ

---

* Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk.
Ngày nhận bài: 10/6/2019; Ngày biên tập: 14/6/2019; Duyệt đăng: 21/6/2019.

tiên, thực hành "tu tại gia", "tu tại tâm", v.v… Chính vì vậy, những cơ sở sinh hoạt cộng đồng cho các tín đồ Phật giáo ở Tây Nguyên được hình thành muộn. Từ những thập niên đầu thế kỷ XX, khi các đô thị ra đời và phát triển trên địa bàn Tây Nguyên, thì các trung tâm của Phật giáo ở địa phương mới xuất hiện rõ tại các đô thị ấy[1].

Theo một số nguồn tài liệu, tại Đắk Lắk, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Phật giáo theo bước chân người Kinh lên Tây Nguyên lập nghiệp và xuất hiện với địa danh Pagode (chùa tháp) ở thị xã Buôn Ma Thuột[2]. Đến những năm trước 1945, khi vua Bảo Đại thực hiện những chuyến công du lên Buôn Ma Thuột, Phật giáo đã có dấu hiệu lan tỏa với những đóng góp của Hoàng Thái Hậu Từ Cung và Thứ phi Mộng Điệp khi lập nơi thờ Phật và tụng niệm ngay hồ Lắk.

Vào năm 1949, những Phật tử người Kinh đã quy tụ và xây dựng 4 căn nhà ở đường Quang Trung (Thành phố Buôn Ma Thuột) làm nơi thờ Phật dưới sự hướng dẫn của Thiền sư Trí Nhiễm (pháp hiệu Thiện Minh), lúc bấy giờ được Giáo hội Phật giáo Trung phần giao trách nhiệm hoằng pháp ở các tỉnh Trung Trung Bộ và Tây Nguyên[3]. Với những nỗ lực và thông qua sự giúp đỡ của bà Thứ phi Mộng Điệp cũng như của Đoan Huy Hoàng Thái Hậu, một ngôi chùa theo phong cách Huế được hình thành trên khu đất trên 7 ha do ông Bùi Huy (anh ruột bà Thứ phi Mộng Điệp) hiến cúng, đặt tên là Khải Đoan và cũng là ngôi chùa đầu tiên ở Đắk Lắk dưới sự gia tâm cầu nguyện của Hội chủ Thích Tịnh Khiết cùng Hòa thượng Thích Trí Thủ... Năm 1953, sau khi xây dựng xong nhà Tổ chùa Khải Đoan, Giáo hội Phật giáo Trung phần bổ nhiệm Đại đức Thích Đức Thiệu đảm nhiệm trụ trì chùa. Từ đó, Khải Đoan trở thành trung tâm sinh hoạt tu học của Phật giáo Đắk Lắk. Kiến trúc chùa Khải Đoan đã có sự hòa nhập, gần gũi với văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số "từ nhà hậu tổ cũng như Chánh điện đều do bàn tay khéo léo của các nghệ nhân cố đô vào thực hiện. Tất cả các nét điêu khắc chạm trổ hoa văn trên gỗ, đến cả giao long trên nóc mái đều rất hài hòa. Hình ảnh giao long uốn lượn mềm mại giữa khung cảnh núi rừng Tây Nguyên tạo thành nét đặc thù mang ý nghĩa đoàn kết Kinh - Thượng trong cộng đồng dân tộc Việt"[4].

Từ sau năm 1951, Phật giáo Đắk Lắk thể hiện sự phát triển vượt bậc khi nhiều cơ sở thờ tự của nhiều hệ phái được xây dựng, tổ chức Gia đình Phật tử được hình thành và nhân rộng, các cơ sở giáo dục và từ thiện xã hội Phật giáo ra đời… Năm 1963, cùng cả nước, Phật giáo Đắk Lắk dấn thân vào cuộc đấu tranh bảo vệ Phật giáo trước sự kỳ thị của chế độ Ngô Đình Diệm, trong đó ngọn lửa Thích Quảng Hương vị pháp thiêu thân[5] là một trong những biểu tượng.

Sau khi nước nhà thống nhất, Phật giáo Đắk Lắk dù hết sức nỗ lực nhưng mãi đến năm 1986 mới thành lập được Ban Trị sự do thiếu Tăng Ni. Lúc này toàn tỉnh chỉ có 6 vị Tăng Ni trong khi số lượng cơ sở tự viện và Phật tử bắt đầu đông đảo. Tuy vậy, dưới sự dẫn dắt của Thượng tọa Thích Quang Huy, trụ trì chùa Khải Đoan, đồng thời là Trưởng ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ I (1986 - 1991), Phật giáo ở Đắk Lắk dần kiện toàn nhiều mặt trong tình hình mới, thành lập được 3 Huyện hội: Krông Pach, Krông Buk (Buôn Hồ) và Cư M'gar, chủ yếu do cư sĩ đảm nhiệm[6].

Theo Báo cáo Tổng kết hoạt động Phật sự cuối năm 2016 của Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk thì toàn tỉnh Đắk Lắk có hơn 150 ngôi chùa, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường, trong đó riêng Thành phố Buôn Ma Thuột có 47 cơ sở; Số lượng tăng ni có đăng ký, quản lý là 572 vị, chúng điệu là 191 vị; Có 17 Ban Trị sự Phật giáo huyện, thị; Có 3 phân ban: Ban Gia đình Phật tử, Ban Ni giới - thuộc Ban Tăng sự, Ban Hướng dẫn Phật tử dân tộc tỉnh Đắk Lắk. Tổ chức Gia đình Phật tử ở Đắk Lắk có 62 đơn vị, với 514 Huynh trưởng các cấp và 3.226 đoàn sinh[7].

2. Phật giáo với người Ê đê ở Đắk Lắk

Người có công đầu trong việc truyền bá Phật giáo đến với người Ê đê là nhà sư Giác Sỹ. Khởi đầu vào năm 1986, có vị Phật tử pháp danh Thiện Ý vào buôn Sut'Mdrang, đến nhà Y Sê Niê và Y Heo Ê Ban. Lúc đầu, vị đó giúp đỡ họ một số hoạt động trong đời sống hàng ngày, cho thuốc khi có người bị bệnh và hướng dẫn cách trồng cà phê, trồng tiêu, v.v… rồi rủ mọi người cùng về chùa, tịnh xá tập tu mỗi khi có lễ, hoặc vào các ngày 14, 15, 30, 01 âm lịch,... Sau đó, Thiện Ý xuất gia học đạo với sư Giác Dũng tại tịnh xá Ngọc Quang và có pháp hiệu là

Giác Sỹ. Lúc bấy giờ Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk vừa thành lập với người đứng đầu là Hòa Thượng Thích Quang Huy. Năm 1987, sư Giác Sỹ lại vào buôn giúp đỡ hướng dẫn đồng bào tu tập. Tại đây, gia đình Y Heo Ê Ban đã cúng dường một lô đất trong vườn khoảng 500 mét vuông để dựng một nhà sàn thờ Phật. Sau khi nhà sàn được dựng lên, có khoảng 20 hộ gia đình (theo văn hóa của người Ê đê, mỗi hộ gia đình sống chung trong một nhà sàn có khi hơn mười thành viên) về đây tu tập. Sư Giác Sỹ bắt đầu hướng dẫn mọi người ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật. Sư nói cho đồng bào hiểu về luật nhân quả, khuyên đồng bào sống hiếu kính ông bà tổ tiên, tập ăn chay.

Ban đầu, Sư gặp khá nhiều khó khăn để thuyết phục người Ê đê đồng thuận và thực hành theo giáo lý nhà Phật. Khó khăn ấy chủ yếu là do đặc trưng văn hóa và luật tục của người Ê đê. Người Ê đê vốn theo tín ngưỡng đa thần nên tất cả các nghi lễ trong đời sống đều phải cúng tế. Có lễ thì một con gà, có lễ thì một con heo/lợn ba ché rượu, có lễ thì một con heo/lợn năm ché rượu, có lễ thì một con heo/lợn bảy ché rượu, có lễ thì cúng tới trâu, v.v… Với người Ê đê, vật cúng tế là cách để đồng bào thể hiện sự tôn kính chư thần, đồng thời, trong mỗi nghi lễ và vật tế lễ ấy còn chứa đựng cả lời nguyện cầu, mong ước một cuộc sống ấm no, an lành, phồn vinh cho buôn làng. Hơn nữa, người Ê đê theo văn hóa nương rẫy, lao động chân tay là chính nên cần phải ăn uống nhiều mới khỏe. Họ quan niệm muốn khỏe thì phải ăn uống nhiều thịt. Do đó, rất khó để "nói" cho đồng bào đồng thuận với chủ trương ăn chay trưởng dưỡng tâm từ trong mỗi con người. Nhưng, bằng sự kiên trì, lòng yêu thương, thái độ chân thành, tận tâm của chính mình, sư Giác Sỹ đã dần dần thuyết phục được đồng bào tập ăn chay, hiểu và bỏ các nghi lễ không phù hợp (ví dụ, có bệnh thì phải đi khám và uống thuốc mới hết, chứ không phải cúng mới hết).

Tiếp đến, về vấn đề tâm linh, từ tín ngưỡng đa thần quy tụ về Đức Phật cũng rất khó. Nhưng cũng nhờ trong thời gian tiếp xúc với đồng bào, sư Giác Sỹ đã học ngôn ngữ của người Ê đê nên Sư cũng giải thích cho đồng bào hiểu rõ về "Yang" Phật. Khi người Ê đê đề cập đến các Yang cõi Trời thì Sư cũng nói Phật giáo cũng đề cập đến cõi Trời, rồi Sư kể những câu chuyện trong Kinh Địa Tạng nói về Yang

Phật cũng từng lên cõi Trời để thuyết pháp độ Hoàng Hậu Ma Gia (Hoàng Hậu Ma Gia sau khi sinh Thái Tử Sĩ Đạt Đa được bảy ngày thì chết về cõi trời Đao Lợi, ở cõi trời Đao Lợi tuy đầy đủ phước báu nhưng vẫn khổ vì sau khi hưởng hết phúc rồi vẫn phải chịu sinh tử luân hồi trong sáu cõi). Khi đề cập đến các Yang thần sông, thần núi, thần suối, thần đất thì Sư cũng nói trong Phật giáo cũng có vị thần, như: vân, lôi, âm, điện mà sau này các thần đó cũng được đưa vào chùa, thành chùa Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Còn khi đề cập đến các Yang tầng dưới đất thì Sư cũng kể câu chuyện trong Kinh Vu Lan Bồn nói về hiếu hạnh của Mục Kiền Liên sau khi tu tập, chứng được thần thông, ngài đi xuống Địa ngục tìm mẹ.

Còn nói đến luật tục thì người Ê đê coi luật tục như một nguyên tắc sống về những quy định thờ cúng tổ tiên, không được trộm cắp, ngoại tình, giữ gìn bến nước,… thì trong Phật giáo cũng có những giới cấm, như: không được sát sinh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không nói dối, v.v… Như vậy, nhìn chung quan niệm về đời sống văn hóa của người Ê đê và văn hóa phương tiện của Phật giáo cũng có nét tương đồng gần gũi. Cho nên, từ đó người Ê đê hiểu, chấp nhận và quy y với Yang Phật.

Nhân dịp Tết nguyên đán năm 1989, Hòa thượng Giác Dũng lúc bấy giờ là Trưởng ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đắk Lắk cùng chư tăng tịnh xá Ngọc Quang đã đến thăm và tặng quà cho người Ê đê tại buôn Sut'Mdrang, xã Cư Suê, huyện Cư M'gar. Tại đây Hòa Thượng đã tán thán và khích lệ tinh thần tu học của bà con đồng bào nơi đây. Với tinh thần quan tâm như vậy nên đầu năm 1990, trong lễ Thượng nguyên (Rằm tháng Giêng), 30 người dân tộc Ê đê đã về tịnh xá Ngọc Quang tại Thành phố Buôn Ma Thuột xin phát nguyện quy y Tam Bảo. Cố HT. Giác Dũng đã chứng minh truyền giới quy y. Đây là những người dân tộc thiểu số đầu tiên quy hướng Tam Bảo, đánh dấu một nét riêng, một bước phát triển mới của PGVN tỉnh Đắk Lắk. Năm 2004, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đắk Lắk kết hợp với Ban Hoằng pháp đã soạn dịch quyển *Lịch Sử Đức Phật Thích Ca và giáo pháp của Ngài* chuyển ngữ sang tiếng dân tộc Ê đê và *Nghi Thức Tụng Niệm* song ngữ Việt - Ê đê để người Ê đê dễ dàng thọ trì. Nhà sư Giác Sỹ

lúc bấy giờ là Phó trưởng ban Hoằng pháp của GHPGVN tỉnh Đắk Lắk là người chịu trách nhiệm soạn dịch 2 quyển sách này. Có thể nói công tác tổ chức sinh hoạt tu tập của người Ê đê tại buôn Sut'Mdrang đã đi vào nền nếp và định kỳ vào các Chủ nhật hàng tuần bà con tập trung về để tụng kinh niệm Phật và chia sẻ Phật pháp.

Sau này, nhà sư Giác Sỹ không ở tịnh xá Ngọc Quang nữa mà về trông coi tịnh xá Ngọc Khánh, cũng từ đây Sư không còn thường xuyên vào buôn hàng tuần để giúp đồng bào nữa. Nhưng với bản tính thật thà chất phác và hiểu được lợi ích của việc tu tập nên từ đó đến nay đã hơn mười năm, người Ê đê ở buôn Sut'Mdrang xã Cư Suê vẫn duy trì mỗi Chủ nhật hàng tuần đều tập trung về tại tịnh thất của Sư làm ngày xưa để tụng kinh niệm Phật ngồi thiền và phát nguyện một tháng ăn chay 4 ngày. Song song với đà phát triển của Phật giáo tỉnh Đắk Lắk, các tự viện ở các huyện vùng sâu, vùng xa khác cũng đã tích cực hoằng pháp và tổ chức hướng dẫn bà con người dân tộc thiểu số về chùa, tịnh xá quy y và tu tập. Vào những năm 2001, 2004, dân tộc thiểu số các buôn ở Đắk Lắk xuống đường biểu tình nhưng người Ê đê ở buôn Sut'Mdrang (khoảng 20 hộ) theo Phật giáo không tham gia vào những cuộc biểu tình này. Lý do mà đồng bào đưa ra để giải thích cho việc họ không tham gia biểu tình là vì họ đã thấm nhuần tư tưởng vô ngã, không hơn thua tranh chấp mà Phật đã dạy thông qua chư tăng truyền đạt lại. Đây có thể xem là một "thành công" lớn của Phật giáo trên hành trình lan tỏa, thâm nhập vào đời sống văn hóa tinh thần của người Ê đê nơi đây.

Một điểm đáng ghi nhận nữa chính là sự hòa hợp, gắn kết giữa nghi lễ Phật giáo và văn hóa nghi lễ của dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên nói chung. Mỗi dịp lễ lớn do Giáo hội PGVN tổ chức đều có sự tham gia của đội cồng chiêng đón rước như một sự hội nhập giữa nghi lễ Phật giáo và nghi lễ dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Tiếp nối tinh thần Phật giáo đến với đồng bào dân tộc thiểu số, chùa Phước Bình ở huyện Krông Păk tổ chức khóa tu "Một ngày an lạc" dành cho đồng bào dân tộc mỗi tuần một lần, trung bình khoảng 100 lượt người tu học, với nghi lễ đan xen Kinh - Thượng. Chùa Hoa Nghiêm ở huyện Cư M'gar cũng hàng tháng tổ chức khóa tu "Một ngày an lạc" dành cho dân tộc Ê đê,

trung bình khoảng 300 lượt người tham gia tu tập với nhiều nội dung, như: tụng kinh, kinh hành niệm Phật, ăn cơm trong chánh niệm, ngồi thiền và chia sẻ Phật pháp. Bên cạnh đó, trụ trì chùa Quảng Trạch, huyện Lăk còn khuyên đồng bào hãy xem chùa là "ngôi nhà chung" nên Phật tử người dân tộc thiểu số tập trung về đây xây dựng chăm lo công việc của chùa như công việc của gia đình và mỗi tối đều về tụng kinh.

Ghi nhận gần đây nhất là buổi khai giảng "Khóa tu trẻ" cho 300 thanh thiếu niên từ 10-20 tuổi người dân tộc thiểu số được tổ chức vào sáng ngày 29/10/2017 tại chùa Quảng Trạch, huyện Lăk với sự chứng minh và gia hộ của Hòa thượng Thích Châu Quang, Ủy viên Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đắk Lắk, cùng các vị giáo phẩm, các vị trụ trì trong và ngoài huyện.

Huyện Lăk dù chỉ có 3 tự viện chính thức được sinh hoạt trong Giáo hội và tăng ni cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay, nhưng các công tác Phật sự, đặc biệt là các công tác thiện nguyện đối với người Ê đê đã được các chùa quan tâm. Các chùa thường xuyên tổ chức các chuyến từ thiện, trao tặng nhà tình thương, trao học bổng, tặng áo quan cho gia đình có tang chế. Và hiện nay, Giáo hội Phật giáo Việt Nam huyện Lăk đã tổ chức khóa tu cho thanh thiếu niên người dân tộc thiểu số, góp phần vào sự nghiệp trồng người và xây dựng tính thiện trong tâm hồn những chủ nhân tương lai của đất nước, đây là việc làm hết sức có ý nghĩa. Khóa tu sẽ được duy trì mỗi tháng 1 lần vào các ngày Chủ nhật và sẽ luân phiên tại các chùa trong huyện.

3. Phật giáo trong đời sống của người Ê đê ở Đắk Lắk hiện nay (khảo sát mối tương quan giữa Phật giáo và tư tưởng, lối sống của người Ê đê ở Đắk Lắk)

Phật giáo đến với người Ê đê dù khá muộn nhưng lại là tôn giáo hầu như không gây ra bất cứ "biến động" nào trong đời sống của đồng bào. Điều gì đã giúp Phật giáo đi vào lòng người Ê đê một cách "hòa bình"? Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng, giữa giáo lý Phật giáo và văn hóa truyền thống của người Ê đê có khá nhiều điểm tương đồng. Phải chăng đó chính là một trong những nguyên nhân để Phật giáo đến và hòa nhập được cùng với văn hóa truyền thống của người Ê đê.

P.V. Bapat đã viết: "*Đức Phật đã dùng Ấn giáo cổ truyền để hiệu chỉnh một số giáo lý của tôn giáo này. Ngài tới thế gian để thực hiện chứ không phải để hủy diệt. Đức Phật là một đại biểu xuất sắc của truyền thống tôn giáo Ấn Độ. Ngài đã để lại dấu chân trên đất Ấn Độ và dấu hiệu trên linh hồn của xứ nắng với những tập quán và tín ngưỡng của nó. Trong khi giáo lý của Đức Phật được thiết lập ở những xứ khác trên thế giới một cách phù hợp với phong tục của họ, thì ở Ấn Độ quê hương của Ngài, Phật pháp đã đi vào và trở thành một thành phần của văn hóa Ấn Độ. Các Bà la môn và Sa môn đã được Đức Phật đối xử bình đẳng, và hai truyền thống (tôn giáo) dần dần hòa nhập vào nhau. Theo một nghĩa khác, Đức Phật là người thiết lập Ấn giáo hiện đại*"[8]. Từ ý kiến này cho thấy, chính tinh thần vô ngã, thái độ bình đẳng, khả năng ứng biến linh hoạt của Phật giáo đã giúp cho Phật giáo dễ được các dân tộc đón nhận bằng thái độ đầy thiện chí.

Riêng với người Ê đê, một dân tộc có khá nhiều luật tục, có những niềm tin, những định chế cộng đồng khá nghiêm ngặt. Bất kỳ tôn giáo nào muốn "đi" vào lòng cộng đồng người Ê đê, được đồng bào "đồng ý" đón nhận, ít nhất, tôn giáo ấy phải có những nét tương đồng nhất định. Hơn nữa, đó phải là những nét tương đồng về văn hóa truyền thống, về quan niệm, tư tưởng, chuẩn mực đạo đức, v.v…

Trước tiên, hãy xem xét ở khía cạnh đạo đức xã hội. Luật tục của người Ê đê quy định khá rõ về điều này ở Chương I, điều 5: "Hiếu thảo với ông bà, cha mẹ". Luật tục cho rằng: "Măng to vì có cây le tốt, tắc kè lớn nhờ có cây to; con cháu lớn khôn nhờ có ông bà cha mẹ nuôi dưỡng; Mẹ đã có công đẻ; Cha đã có công dạy; Công mẹ nuôi nấng chăm sóc, đêm thức ngày trông, kiếm cơm dẻo thịt ngon cho con; Từ khi mới đẻ cho đến trưởng thành, công cha gọi bà đỡ, công mẹ tìm thầy thuốc, để con ăn no ngủ khỏe, nuôi con lớn khôn thành người; Nuôi con trai đến lớn có nghề, có vợ biết nuôi con nuôi vợ; Nuôi con gái đến lúc ngực nở, biết nuôi con làm mẹ; Nếu bỏ mẹ ở ngoài đồng, nếu bỏ cha ở ngoài sân, cái chuôi muốn to hơn lưỡi dao, trẻ con muốn hơn ba mẹ, con cháu muốn hơn cha mẹ, chặt cây tre đừng nên quá ngọn, không nên to tiếng với ông bà, bắp vế đã to cứ muốn đạp người cha, bắp đùi đã lớn cứ muốn chà người mẹ, uốn cán

cuốc không thể nào cong, uốn cán rựa không thể nào thẳng, bố mẹ dạy bảo không thể chịu vâng lời, mẹ nói như ống tre nổ, là có tội với cha mẹ, là có lỗi với ông bà; Trách nhiệm của con cháu, phải biết nuôi cha mẹ, phải biết trọng ông bà, biết sống vì tổ tiên, biết sống vì cộng đồng; Chiêng kêu hay nhờ người đánh, trống vang xa nhờ người vỗ, đạo làm con phải hiếu nghĩa với ông bà mẹ cha”[9].

Từ luật tục này, có thể thấy rằng, người Ê đê rất xem trọng trách nhiệm của một con người đối với gia đình, cha mẹ, thân tộc. Tinh thần này rất gần với giáo lý Phật giáo về đạo hiếu của con người. Phật giáo đặc biệt xem trọng điều này, lấy đó làm chuẩn mực, thước đo giá trị con người. Sự tương đồng này chính là “tiếng nói chung” giữa Phật giáo với văn hóa truyền thống của người Ê đê. Đây chính là điểm đầu tiên tạo nên sợi dây liên kết giữa Phật giáo và cộng đồng người Ê đê.

Một điểm tương đồng khác giữa văn hóa của người Ê đê với Phật giáo, đó là, cả hai đều rất thường xuyên nhắc đến và sử dụng con số 5 và 7 trong thực hành các nghi lễ của mình. Người Ê đê quan niệm số 5 và số 7 là số tốt lành. Để thể hiện một sự ra đi dài họ hay nói: đã ra đi 7 ngày 7 đêm. “Người Ê đê Adham ở buôn Triă, cũng như người Ê đê nói chung, có một hệ thống lễ cúng mừng sức khỏe được tổ chức theo từng giai đoạn trong cuộc đời một con người, gọi chung là *ngă yang asei meli*, gồm có 7 lễ chính: *wăt mnu\ kpiê* (lễ với một con gà, một ché rượu), *un boong kpiê tlâo* (lễ với một con heo/lợn đực, ba ché rượu), *un krieo kpiê eema* (lễ với con heo/lợn thiến, năm ché rượu), *un krieo kpiê kjuh* (lễ với một con heo/lợn thiến, bảy ché rượu), *êmô sa kpiê êma* (lễ với một con bò, năm ché rượu), *kbao ana kpiê eema* (lễ với một con trâu, năm ché rượu), *kbao knô kpiê kjuh* (lễ với một con trâu, bảy ché rượu), được tổ chức lặp đi lặp lại nhiều lần trong một đời người, tùy theo khả năng của từng người”[10].

Đối với các dân tộc ít người đang sinh sống và làm việc ở Tây Nguyên thì lễ hội cùng với các nghi lễ đã gắn liền xuyên suốt cuộc đời của họ. Nó được xem là một phần giúp con người giải tỏa những buồn phiền, mất mát trong cuộc sống và là minh chứng thể hiện nét độc đáo và riêng biệt của cả buôn làng. Còn đối với người dân Ê đê ở Đắk Lắk nói riêng, họ còn xem những lễ hội này là một chất dính gắn kết mọi

người trong làng lại với nhau, là một sợi dây vô hình kết nối giữa những người còn sống với các linh hồn tổ tiên. Điều đó càng khiến cho ý nghĩa của các lễ hội này trở nên đặc biệt và không thể thay thế đối với người Ê đê. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng tìm hiểu về những tập tục của họ để thấy rõ được nét độc đáo của những buổi nghi lễ này và sự xuất hiện của Phật giáo trong lối suy nghĩ và cách người Ê đê tổ chức lễ hội.

Lễ thổi tai

Dấu mốc đầu tiên đánh dấu sự tồn tại của một người trong vòng đời là lễ thổi tai. Lễ thổi tai là một loại hình nghi lễ phổ biến của các dân tộc miền núi vùng Tây Nguyên, trong đó có dân tộc Ê đê trên cao nguyên Đắk Lắk. Người Ê đê tin vào thuyết luân hồi của Phật giáo hay còn được gọi là thuyết *Samsara* (luân hồi). Sự sống và cái chết là quá trình xoay vần. Phật giáo cho rằng, sau khi sinh vật chết đi thì linh hồn sẽ tách khỏi thể xác và đầu thai dưới hình dạng của một thể xác khác. Thuyết này cũng ăn sâu trong tiềm thức của người Ê đê. Họ tin rằng, khi một người ra đi (chết) thì linh hồn của họ sẽ thông qua cơ thể của đứa trẻ mới sinh khác trong cùng dòng họ để đầu thai làm người và tiếp tục sứ mệnh dang dở kiếp trước của mình. Thế nên khi một đứa trẻ được sinh ra thì chưa thể có linh hồn. Ba mẹ đứa trẻ bắt buộc phải mời tất cả người dân trong làng tụ tập trước sân nhà mình và mời thầy cúng để thực hiện nghi lễ này để chọn ra tên của người đã khuất trong dòng họ đặt tên cho đứa trẻ. Cuối cùng, thầy cúng sẽ thổi linh hồn này vào đứa trẻ như một cách để hồi sinh. Ngoài ra, người Ê đê cũng hy vọng rằng sau lễ thổi tai, đứa trẻ hiểu biết được chuyện đời và phân biệt được phải trái trong cuộc sống để khi lớn lên có thể trở thành người có ích cho cả cộng đồng và xã hội.

Lễ kết hôn

Mốc quan trọng thứ hai trong vòng đời người Ê đê là khi những đứa trẻ lớn lên và mong muốn xây dựng gia đình cho riêng mình. Theo luật tục của người Ê đê, trai gái trong làng đều có quyền tìm hiểu nhau và tổ chức lễ kết hôn như các dân tộc khác trên đất nước Việt Nam. Tuy nhiên, do văn hóa truyền thống của người Ê đê mang đậm đặc trưng của chế độ mẫu hệ, nên phong tục cưới xin của họ cũng mang nét độc đáo khi phụ nữ là người quyết định trong tất cả

mọi việc. Theo tác giả Nguyễn Duy Thiệu, *phụ nữ Ê đê thích ai, yêu ai thì sẽ báo cáo với mẹ, gia đình để cưới người họ yêu. Người được cưới ấy sẽ ở bên nhà vợ. Khi sinh con đẻ cái thì mang họ vợ*. Đây được gọi là tập tục đi hỏi chồng và hôn nhân cư trú bên nhà vợ. Điểm đặc biệt và thú vị của lễ kết hôn chính là nghi lễ trao vòng cầu hôn. Sau khi tìm được chàng trai ưng ý thì cô dâu tương lai sẽ được mẹ đưa cho một chiếc vòng xem như là vật giao ước ban đầu giữa nhà trai và nhà gái. Chiếc vòng sẽ được gửi đến nhà trai cho đến khi được đồng ý. Trong trường hợp chàng trai nhất định không đồng ý thì lễ hỏi cưới sẽ được hoãn lại chờ đến khi sợi tơ hồng được nối nên duyên. Còn nếu như nhà trai đồng ý thì động tác trao vòng sẽ được thực hiện ngay trong nghi lễ hỏi chồng. Một khi cả hai người đều cùng chạm tay vào chiếc vòng thì họ đã có sự gắn kết chặt chẽ với nhau. Như vậy, hôn nhân của họ đều dựa trên tìm hiểu và sự phù hợp lẫn nhau, hoàn toàn không hề có sự thúc ép. Tương tự như trong Kinh Đại Bảo Tích có ghi lời Đức Phật nói: "Nếu một người đàn ông có thể tìm được một người vợ, người phụ nữ thích hợp và hiểu biết; người phụ nữ có thể tìm được một người đàn ông thích hợp và hiểu biết, cả hai thực sự may mắn". Gia đình của đôi trẻ sẽ được xây dựng dựa trên nhân duyên và họ sẽ cùng nhau đi đến hết cuộc đời bằng sự chia sẻ và thông cảm lẫn nhau. Còn đối với chiếc vòng, nó là biểu tượng của hẹn ước cho đôi trẻ nên duyên vợ chồng và là minh chứng cho tâm hồn đồng điệu của cặp đôi mới cưới. Sau khi lễ trao vòng kết thúc, gia đình bên trai và bên gái sẽ trở thành thông gia với nhau và chính thức sẽ nhờ *dăm dei* và ông mối (pô ba êlan). Nhiệm vụ của dăm dei và ông mối sẽ thay mặt gia đình hai bên thực hiện các nghi lễ còn lại để se duyên vợ chồng và còn đóng vai trò khuyên răn đôi vợ chồng phải sống biết quan tâm, tôn trọng lẫn nhau và kiên nhẫn cùng nhau duy trì mối quan hệ lâu dài bền vững. Đạo lý này của người Ê đê rất giống với câu Đức Phật đã từng răn dạy chúng sinh: "Để duy trì mối quan hệ lành mạnh, chúng ta cần nhiều thứ hơn là tình yêu". Sự vun đắp và bao dung từ hai bên chính là chìa khóa để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Nắm bắt và hiểu biết được tầm quan trọng của đạo lý này nên ngay từ khi mới làm đám cưới thì người dân đã nhờ dăm dei và ông mối như người thúc đẩy và hàn gắn đời

sống vợ chồng của đôi trẻ. Ngoài ra, người Ê đê còn nghĩ ra những luật tục để đảm bảo duy trì hôn nhân bền vững và hạnh phúc cho mọi gia đình trong buôn làng.

Lễ tang

Phật giáo quan niệm về cái chết là sự chuyển tiếp của sự sống, là một quá trình ngược chiều mà ở đó chúng sinh không thể tận mắt nhìn thấy sự xoay vần này. Nó chính là quy luật hiển nhiên vận hành của vũ trụ. Người Ê đê bao đời nay đã tuân theo đạo lý này mà tổ chức tang lễ tiễn đưa linh hồn sang thế giới bên kia khi có ai đó đi hết vòng đời ở trần gian. Chúng ta thường có suy nghĩ về lễ tang như một bước để đưa người chết về nơi chín suối, nhưng người Ê đê tin rằng, linh hồn của người thân trước khi làm lễ bỏ mả vẫn còn quanh quẩn quanh nhà hoặc quanh mồ mả, chưa thể đoàn tụ cùng ông bà tổ tiên để đầu thai làm kiếp khác. Theo Phật giáo thì linh hồn của một người sau khi chết, còn được gọi là *Thân Trung Ấm*, sẽ thoát khỏi cơ thể và trụ lại thế giới trung gian này một thời gian; sau đó Thân Trung Ấm tìm một nơi thích hợp với nghiệp báo của mình mà đầu thai. Vì vậy, với người Ê đê, trước khi làm lễ bỏ mả để chấm dứt vĩnh viễn mối quan hệ này thì người thân vẫn chuẩn bị cơm đem ra mộ hàng ngày và nói chuyện với những linh hồn đã khuất. Bằng cách này người Ê đê có thể biểu thị được sự kính hiếu của mình. Bên cạnh đó, thông qua lễ tang, tinh thần đoàn kết của cả buôn làng cũng được thể hiện rõ nét khi có một người ra đi, tất cả người dân trong buôn đều tụ tập trước nhà của gia chủ và không khí đau buồn, mất mát của gia đình sẽ nhanh chóng được xoa dịu. Đặc biệt, trong những ngày này, người dân sẽ ngừng các hoạt động lễ hội, ăn uống, vui chơi cũng như ngưng sản xuất và không mua bán gì. Tất cả sẽ cùng nhau đến an táng người chết, an ủi và phụ giúp gia đình mọi việc trong lễ tang.

Lễ bỏ mả

Sau khi chôn cất ba năm, người Ê đê sẽ tổ chức lễ bỏ mả để cắt đứt mối quan hệ giữa người sống và linh hồn người đã chết, để họ có thể trở về bên tổ tiên và tiếp tục sứ mệnh dang dở của mình bằng cách đầu thai ở thân thể đứa trẻ khác trong cùng dòng họ ở trần gian. Tại lễ hội này, vòng quay Samsara sẽ chính thức quay vòng mới và

điều đó cứ tiếp tục lặp lại trong vòng đời của một người Ê đê. Chính vì lý do này mà lễ bỏ mả đặc biệt quan trọng với họ. Không còn không khí tang thương hay đau buồn, thay vào đó là một lễ hội mang màu sắc tươi mới với nhiều hoạt động mang đậm nét truyền thống của dân tộc Ê đê như âm nhạc cồng chiêng, nhảy múa, ca hát. Có thể nói lễ bỏ mả là lễ hội sinh động bậc nhất tại vùng đất Tây Nguyên. Điểm khiến chúng ta phải lưu ý chính là luật tục không thờ cúng ông bà tổ tiên của người Ê đê. Điều này góp phần làm cho lễ bỏ mả càng thêm quan trọng. Thông qua việc tổ chức lễ hội, những người ở lại trần gian có thể làm tròn bổn phận của mình với các linh hồn đã khuất. Cách người Ê đê thực hiện các nghi lễ cũng đã thể hiện họ không chỉ tôn trọng, hiếu thuận với người còn sống mà với người ra đi họ cũng thể hiện trọn vẹn chữ nghĩa và chữ tình.

Kết luận

Có thể nói rằng, người Ê đê là một trong những tộc người có mặt tại vùng đất Tây Nguyên sớm nhất với nền văn hóa riêng biệt và đậm đà bản sắc cao nguyên. Có thể nói, những luật tục của người Ê đê dường như có khá nhiều nét tương đồng với những giáo lý và nghi lễ của Phật giáo. Vì vậy, dù hòa vào dòng chảy văn hóa của người Ê đê ở Đắk Lắk muộn nhưng Phật giáo vẫn từng bước trở thành một phần không thể thiếu trong văn hóa tinh thần của người Ê đê. Phật giáo đã góp phần tạo nên những điểm mới trong đời sống tinh thần của đồng bào thông qua quá trình giao thoa văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của người Ê đê và giáo lý Phật giáo. Có thể tìm thấy một trong những biểu hiện của sự giao thoa ấy hay tinh thần hòa nhập của Phật giáo với văn hóa dân tộc qua hai câu đối trước cổng chùa Hoa Nghiêm ở huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk :

Nhà bất biến không kể Thượng Kinh cồng chiêng chuông trống trầm bổng thảy là lời diệu Pháp.

Cửa tùy duyên chẳng phân thiền tịnh lớn nhỏ nhanh chậm trước sau đều đến cõi Chân Như"[11]./.

CHÚ THÍCH:

1 Nguyễn Tuấn Triết (2003), *Đặc điểm hoạt động truyền đạo tại các thành phố ở Tây Nguyên*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học, Viện khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk - Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Buôn Ma Thuật (2014), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột (1930- 1975)*, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đăk Lắk.

3 Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 304.

4 Thích Minh Đăng (2017), *Lịch sử tự viện tỉnh Đắk Lắk*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 13.

5 *Thánh tử đạo Thích Quảng Hương*, trên http://khaidoan.com.vn/vi/news/Gioi-Thieu/THANH-TU-DAO-THICH-QUANG-HUONG-2196/

6 *Phật giáo Đắk Lắk hài hòa giữa vùng đa sắc tộc*, trên https://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=1AC653, truy cập 14/6/2018.

7 *Để Phật giáo vùng cao nguyên ngày thêm rạng rỡ với bản sắc riêng*, trên http://phatgiao.org.vn/de-phat-giao-vung-cao-nguyen-ngay-them-rang-ro-voi-ban-sac-rieng-d28157.html, truy cập ngày 14/6/2018.

8 P.V. Bapat (2007), *Tôn giáo và lịch sử văn minh nhân loại*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, tr. 17.

9 Trương Bi, Bùi Minh Vũ, Kra Y Wơn (2007), *Vận dụng luật tục Ê đê vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, tr. 45- 47.

10 Ngô Đức Thịnh (2006), *Nghi lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 108.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. P.V. Bapat (2007), *Tôn giáo và lịch sử văn minh nhân loại 2500 năm Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
2. Trương Bi, Bùi Minh Vũ, Kra Y Wơn (2007), *Vận dụng luật tục Ê đê vào việc xây dựng gia đình, buôn, thôn văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk - Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố Buôn Ma Thuột (2014), *Lịch sử Đảng bộ thị xã Buôn Ma Thuột (1930-1975)*, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đăk Lắk.
4. Thích Minh Đăng (2017), *Lược sử tự viện tỉnh Đắk Lắk*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
5. *Địa chí Đắk Lắk*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
6. Đặng Văn Hường (chủ biên, 2013), *Tìm hiểu một số phong tục, tập quán, tín ngưỡng tôn giáo các dân tộc vùng Tây nguyên*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
7. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *Văn hóa Ê đê truyền thống và biến đổi*, Nxb. Đà Nẵng.
8. Nguyễn Lang (1994), *Việt nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.
9. Ngô Đức Thịnh (tuyển chọn và giới thiệu, 2006), *Nghi lễ và phong tục các tộc người ở Tây Nguyên*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

10. Nguyễn Tuấn Triết (2003), *Đặc điểm hoạt động truyền đạo tại các thành phố ở Tây Nguyên*, Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Khoa học xã hội tại Tp. Hồ Chí Minh.
11. Các trang thông tin điện tử:
https://khaidoan.com.vn/vi/news/Gioi-Thieu/THANH-TU-DAO-THICH-QUANG-HUONG-2196/
https://giacngo.vn/PrintView.aspx?Language=vi&ID=1AC653
http://phatgiao.org.vn/de-phat-giao-vung-cao-nguyen-ngay-them-rang-ro-voi-ban-sac-rieg-d28157.html
Thích Minh Đăng (2017), *Lịch sử tự viện tỉnh Đắk Lắk*, Sđd, tr. 289.

Abstract

BUDDHISM IN THE RADE COMMUNITY IN ĐẮK LẮK AT PRESENT

Phung Thai Hoi
Executive Board of Vietnam Buddhist Shanga in Dăk Lăk Province

There have been many studies on the impacts of religion on ethnic minorities in the Central Highlands in general and in Đắk Lắk province in particular. However, most of these works refered to Protestantism and Catholicism that they seemed to ignore Buddhism. In fact, Buddhism has had some influences on the cultural life of ethnic minorities in the Central Highlands, including the Rade- an ethnic minority who has a long-term residence in Đắk Lắk with a unique culture, without assimilation through historical changes. Buddhism has been creating harmony, linking the Buddhist rituals with traditional rituals of the Rade in Đắk Lắk.

Keywords: the Rade; Đắk Lắk; Buddhism; culture; life.